

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-39
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-39

10/...
BAN C...
HUE

J

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 1996 và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3300101124 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên - Huế cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007 và thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 07 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Toshihiko Takahashi	Chủ tịch	(Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2022)
Ông Yukio Takahashi	Chủ tịch	(Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2022)
Ông Lê Bá Giang	Thành viên	
Ông Yoshida Tetsuya	Thành viên	
Ông Johnny Cheung - Ching Fu	Thành viên	
Ông Đinh Nhật Tân	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2022)
Ông Go Fujiyama	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2022)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Johnny Cheung - Ching Fu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Giang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Đức Quang	Trưởng ban
Bà Fumiyo Okuda	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Diệu Loan	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Bá Giang

Phó Tổng Giám đốc

Thừa Thiên - Huế, ngày 20 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang được lập ngày 20 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3 và Thuyết minh số 18 phần thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đang ghi nhận và trình bày trên Báo cáo tài chính khoản phải trả cho Ngân sách nhà nước với số tiền là 32 tỷ đồng liên quan đến việc thoái vốn của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tại Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến của kiểm toán viên nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2023-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		63.628.518.912	66.089.323.032
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	42.878.360.405	38.275.688.890
111	1. Tiền		36.378.360.405	34.875.688.890
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.500.000.000	3.400.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		17.648.998.115	27.366.478.483
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.146.330.425	441.901.343
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	692.755.000	10.580.482.200
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	11.700.000.000	12.260.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	4.420.810.028	4.388.992.278
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(310.897.338)	(304.897.338)
140	IV. Hàng tồn kho	10	292.678.287	194.909.407
141	1. Hàng tồn kho		292.678.287	194.909.407
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.808.482.105	252.246.252
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	208.985.981	227.934.600
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	6.311.652
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	2.599.496.124	18.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		149.492.737.309	134.217.551.705
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.948.817.680	4.948.817.680
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	4.948.817.680	4.948.817.680
220	II. Tài sản cố định		46.952.200.374	25.144.343.222
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	45.953.200.374	24.145.343.222
222	- Nguyên giá		109.468.987.242	81.469.820.135
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(63.515.786.868)	(57.324.476.913)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	999.000.000	999.000.000
228	- Nguyên giá		1.308.338.000	1.308.338.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(309.338.000)	(309.338.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	-	8.061.405.334
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	8.061.405.334
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	91.659.554.172	94.049.577.883
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		118.423.248.651	118.423.248.651
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(26.763.694.479)	(24.373.670.768)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.932.165.083	2.013.407.586
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	5.932.165.083	2.013.407.586
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		213.121.256.221	200.306.874.737

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		72.423.944.310	53.629.376.100
310	I. Nợ ngắn hạn		50.370.874.110	43.244.142.900
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	1.615.129.742	232.233.271
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		309.169.771	103.807.005
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	186.578.612	19.838.357
314	4. Phải trả người lao động		2.718.439.907	1.226.763.291
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.311.256.481	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	33.062.899.597	32.795.700.976
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	11.167.400.000	8.865.800.000
330	II. Nợ dài hạn		22.053.070.200	10.385.233.200
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	22.053.070.200	10.385.233.200
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		140.697.311.911	146.677.498.637
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	140.697.311.911	146.677.498.637
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		47.223.517.700	47.223.517.700
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(106.526.205.789)	(100.546.019.063)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>		(100.546.019.063)	(69.324.648.160)
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		(5.980.186.726)	(31.221.370.903)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		213.121.256.221	200.306.874.737


Lê Văn Tuấn Hải
Người lập

Ngô Đức Chính
Kế toán trưởngLê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc

Thừa Thiên - Huế, ngày 20 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	36.644.185.389	8.960.722.130
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		36.644.185.389	8.960.722.130
11	4. Giá vốn hàng bán	23	28.738.918.640	14.610.693.812
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.905.266.749	(5.649.971.682)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.108.623.217	1.129.597.417
22	7. Chi phí tài chính	25	3.510.820.590	16.117.015.206
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		643.955.321	36.986.667
25	8. Chi phí bán hàng	26	927.626.052	525.038.640
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	10.568.966.578	8.731.745.911
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.993.523.254)	(29.894.174.022)
31	11. Thu nhập khác	28	20.638.183	18.210.531
32	12. Chi phí khác	29	7.301.655	1.345.407.412
40	13. Lợi nhuận khác		13.336.528	(1.327.196.881)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(5.980.186.726)	(31.221.370.903)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.980.186.726)	(31.221.370.903)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	(299)	(1.561)


Lê Văn Tuấn Hải
Người lập

Ngô Đức Chính
Kế toán trưởngLê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc

Thừa Thiên - Huế, ngày 20 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(5.980.186.726)	(31.221.370.903)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.420.953.473	2.366.985.710
03	- Các khoản dự phòng		2.396.023.711	13.423.540.595
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		16.403.470	44.435.804
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.107.943.548)	1.552.700.840
06	- Chi phí lãi vay		643.955.321	36.986.667
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.610.794.299)	(13.796.721.287)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		6.617.638.914	(8.786.355.117)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(97.768.880)	89.272.439
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		4.622.112.657	(1.620.722.939)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.899.808.878)	1.309.483.312
14	- Tiền lãi vay đã trả		(440.936.768)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.190.442.746	(22.805.043.592)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(16.167.405.291)	(2.208.383.023)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(100.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		560.000.000	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.603.770.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.066.600.530	1.063.536.702
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(14.540.804.761)	3.358.923.679
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		14.306.256.732	17.514.413.200
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(350.000.000)	(100.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		13.956.256.732	17.414.413.200
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.605.894.717	(2.031.706.713)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		38.275.688.890	40.308.057.461
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.223.202)	(661.858)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>42.878.360.405</u>	<u>38.275.688.890</u>



Lê Văn Tuấn Hải
Người lập



Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng



Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc

Thừa Thiên - Huế, ngày 20 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 1996 và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3300101124 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên - Huế cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007 và thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 07 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 130 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 91 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa như Đại lý thu đổi ngoại tệ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không như Đại lý bán vé máy bay Quốc tế và nội địa;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Điều hành tour du lịch như kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động như nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại như Tổ chức sự kiện, giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Sự phục hồi về kinh tế và xã hội sau đại dịch Covid-19 đã tác động tích cực lên mọi ngành nghề và đặc biệt là ngành du lịch, lữ hành. Sự tác động tích cực này đã mang đến kết quả kinh doanh tốt hơn so với năm trước cho Công ty cũng như các đơn vị liên doanh, liên kết hoạt động trong cùng lĩnh vực. Trong năm 2022, Công ty có doanh thu và lợi nhuận tăng gấp gần 3,5 lần so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Khách sạn Hương Giang Resort & Spa	Huế	Kinh doanh khách sạn

Thông tin về các công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chí phí phải trả và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao	

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2022 ngày 15/11/2022 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang và Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành:

- Nội dung hợp tác kinh doanh: Các bên cùng nhau hợp tác kinh doanh trong việc khai thác địa điểm kinh doanh tại 11 Lê Lợi, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang và chia sẻ lợi nhuận có được từ việc hợp tác kinh doanh.

- Góp vốn hợp tác kinh doanh:

+ Cổ phần Du lịch Hương Giang góp vốn bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất đã được đầu tư xây dựng tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại địa chỉ 11 Lê Lợi, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc quyền sở hữu của Công ty Hương Giang.

+ Công ty TNHH Du lịch Kinh Thành góp vốn bằng công tác tổ chức quản lý, điều hành, kinh doanh dịch vụ (bao gồm việc thực hiện tất cả các hoạt động kinh doanh dịch vụ tại địa điểm 11 Lê Lợi, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế).

- Lợi ích Công ty được hưởng không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh tại địa điểm hợp tác trước khi phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh:

+ Một khoản tiền khấu hao tài sản cố định là 1.000.000.000 đồng/năm.

+ Một khoản tiền bằng tiền thuê đất (hoặc tiền sử dụng đất) và các khoản phí khác liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tại địa điểm hợp tác kinh doanh (nếu có).

+ Một khoản tiền bằng chi phí vốn mà Công ty đã đầu tư để nâng cấp, cải tạo toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa điểm hợp tác kinh doanh.

- Phân chia kết quả hợp tác kinh doanh: Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang được hưởng phần lợi nhuận bằng 30% lợi nhuận trước thuế hằng năm theo báo cáo tài chính kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh đã được kiểm toán.

- Thời hạn hợp tác kinh doanh: 09 năm bắt đầu từ ngày 01/12/2022 đến ngày 11/12/2031.

- Kế toán theo dõi hoạt động hợp tác kinh doanh: Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành chịu trách nhiệm hạch toán và kế toán.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 05 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG
M.S.D.

2.26 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	280.170.548	94.454.076
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽¹⁾	36.098.189.857	34.781.234.814
Các khoản tương đương tiền ⁽²⁾	6.500.000.000	3.400.000.000
	<u><u>42.878.360.405</u></u>	<u><u>38.275.688.890</u></u>

(1) Tại ngày 31/12/2022, số dư tiền gửi không kỳ hạn là 36.098.189.857 đồng. Trong đó, số tiền 32.257.261.589 đồng là tiền thu được từ việc chuyển nhượng phần vốn của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cho Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco, khoản tiền này bị hạn chế sử dụng theo Công văn số 1398/STC-TCDN ngày 26/5/2016 của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 18).

(2) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Huế và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển với lãi suất từ 3,0%/năm đến 3,4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty TNHH Lữ hành Hương Giang	4.423.230.000	(3.039.147.556)	4.423.230.000	(1.832.719.037)
- Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	6.239.210.372	(2.207.027.767)	6.239.210.372	(3.664.127.494)
- Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	940.000.000	(421.947.149)	940.000.000	(421.947.149)
- Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	50.720.625.000	(4.537.643.544)	50.720.625.000	(7.446.573.142)
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	34.416.633.279	(16.546.636.267)	34.416.633.279	(10.998.509.615)
- Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	21.683.550.000	(11.292.196)	21.683.550.000	(9.794.331)
	118.423.248.651	(26.763.694.479)	118.423.248.651	(24.373.670.768)

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang	11 Lê Lợi, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch
- Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	Thôn Loan Lý, thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch
- Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	Phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	Sản xuất nước khoáng tinh khiết đóng chai và dịch vụ giặt là
- Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	5 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch
- Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	2 Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty TNHH Lữ hành Hương Giang	109.420.165	-	360.296.343	-
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	537.283.824	-	-	-
	646.703.989	-	360.296.343	-
<i>Bên khác</i>				
- Trường Đại học sư phạm Huế	144.050.000	-	67.400.000	-
- Trường Đại học Kinh tế Huế	107.100.000	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	248.476.436	(12.000.000)	14.205.000	(6.000.000)
	499.626.436	(12.000.000)	81.605.000	(6.000.000)
	1.146.330.425	(12.000.000)	441.901.343	(6.000.000)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Thương mại và DVKT Thịnh Châu	-	-	1.512.576.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại dịch vụ Cơ nhiệt Toàn Cầu	-	-	1.275.364.200	-
- Công ty TNHH Giải pháp Bảo trì Khách sạn Đà Nẵng Vàng	566.462.000	-	5.338.326.000	-
- Công Ty TNHH Thiết Kế Quận Tám	-	-	1.774.190.000	-
- Trả trước cho người bán khác	126.293.000	-	680.026.000	-
	692.755.000	-	10.580.482.200	-

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty TNHH Lữ hành Hương Giang	-	-	660.000.000	-
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành ⁽¹⁾	10.500.000.000	-	10.500.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành ⁽²⁾	1.200.000.000	-	1.100.000.000	-
	<u>11.700.000.000</u>	<u>-</u>	<u>12.260.000.000</u>	<u>-</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng vay vốn số 02/KT-HG-122022 ngày 29/12/2022 (thay thế cho hợp đồng vay vốn số 01/KT-HG-122018 ngày 27/12/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01/KT-HG-012019 ngày 25/01/2019) với tổng số tiền là 10.500.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 01/01/2023. Lãi suất được xác định theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Huế, được điều chỉnh 03 tháng một lần và được thanh toán cùng khoản vay vào ngày đáo hạn.
- (2) Hợp đồng vay vốn số 03/KT-HG-122022 ngày 29/12/2022 (thay thế cho hợp đồng vay vốn số 01/HGT-CIT-042019 ngày 03/04/2019 và Hợp đồng số 02/HGT-CIT-012020 ngày 17/01/2020) với tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 01/01/2023. Lãi suất được xác định theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Huế, được điều chỉnh 03 tháng một lần và được thanh toán cùng khoản vay vào ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	494.014.947	-	494.014.947	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.434.893.111	-	2.393.550.093	-
- Tạm ứng	22.000.000	-	48.200.000	-
- Dự án tiếp nhận Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	933.690.527	-	933.690.527	-
- Chi hệ Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	298.897.338	(298.897.338)	298.897.338	(298.897.338)
- Tiền thuế tiêu thụ đặc biệt nộp hộ VIP Club	-	-	220.639.373	-
- Các khoản phải thu khác	237.314.105	-	-	-
	4.420.810.028	(298.897.338)	4.388.992.278	(298.897.338)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan				
- Công ty TNHH Lữ hành Hương Giang	835.134.385	-	1.006.677.818	-
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	2.072.116.667	-	1.708.408.334	-
- Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	258.971.111	-	172.478.888	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	298.897.338	(298.897.338)	298.897.338	(298.897.338)
	3.465.119.501	(298.897.338)	3.186.462.378	(298.897.338)
Bên khác				
- Các khoản phải thu khác	955.690.527	-	1.202.529.900	-
	955.690.527	-	1.202.529.900	-
	4.420.810.028	(298.897.338)	4.388.992.278	(298.897.338)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 .PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu chi phí đầu tư dự án trung tâm văn hóa Huyền Trân (*)	4.948.817.680	-	4.948.817.680	-
	<u>4.948.817.680</u>	<u>-</u>	<u>4.948.817.680</u>	<u>-</u>
b.2) Chi tiết theo đối tượng Bên khác				
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Đất Việt (*)	4.948.817.680	-	4.948.817.680	-
	<u>4.948.817.680</u>	<u>-</u>	<u>4.948.817.680</u>	<u>-</u>

(*) Đây là các khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và khoản ứng trước cho nhà thầu thi công hạng mục Thiên Đường Trần Nhân Tông (nay là Thiên Viện Hương Vân) thuộc dự án Trung Tâm Văn hóa Huyền Trân. Năm 2011, Công ty đã bàn giao cho Công ty Cổ phần Văn hóa Đất Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Văn hóa Huyền Trân) để tiếp tục theo dõi và quyết toán chi phí thực hiện với các nhà thầu này. Trong năm 2021, Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Quyết định số 89/QĐ-CCTHADS ngày 04/10/2021 về việc thi hành án đối với Công ty Cổ phần Đầu tư văn hóa Du lịch Đất Việt. Theo đó, Công ty Đất Việt có nghĩa vụ phải hoàn trả số tiền nêu trên cho Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang.

9 .NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	298.897.338	-	298.897.338	-
- Công ty TNHH ICS	12.000.000	-	12.000.000	6.000.000
	<u>310.897.338</u>	<u>-</u>	<u>310.897.338</u>	<u>6.000.000</u>

10 .HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	168.573.499	-	90.101.815	-
Hàng hoá	124.104.788	-	104.807.592	-
	<u>292.678.287</u>	<u>-</u>	<u>194.909.407</u>	<u>-</u>

11 .XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Dự án cải tạo Nhà hàng Festival, 11 Lê Lợi - TP.Huế với tổng mức đầu tư là khoảng 26,5 tỷ đồng đã hoàn thành trong năm 2022. Trong đó, giá trị tài sản cố định hoàn thành tăng trong kỳ là 23,5 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

12 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu kỳ	61.158.427.487	11.165.580.199	8.413.270.805	732.541.644	-	-	-	-	-	-	81.469.820.135	
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	19.266.884.948	3.419.752.364	-	-	-	-	-	-	831.148.000	-	23.517.785.312	
- Tăng khác do điều chuyển tài sản	4.387.595.555	272.469.000	-	-	-	-	-	-	-	-	4.660.064.555	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(178.682.760)	-	-	-	-	-	-	-	-	(178.682.760)	
Số dư cuối kỳ	84.812.907.990	14.679.118.803	8.413.270.805	732.541.644	-	-	-	-	831.148.000	-	109.468.987.242	
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu kỳ	42.632.561.437	10.885.714.745	3.073.659.087	732.541.644	-	-	-	-	-	-	57.324.476.913	
- Khấu hao trong kỳ	1.762.695.032	86.307.178	568.585.512	-	-	-	-	-	3.365.751	-	2.420.953.473	
- Tăng khác do điều chuyển tài sản	3.676.570.242	272.469.000	-	-	-	-	-	-	-	-	3.949.039.242	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(178.682.760)	-	-	-	-	-	-	-	-	(178.682.760)	
Số dư cuối kỳ	48.071.826.711	11.065.808.163	3.642.244.599	732.541.644	-	-	-	-	3.365.751	-	63.515.786.868	
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu kỳ	18.525.866.050	279.865.454	5.339.611.718	-	-	-	-	-	-	-	24.145.343.222	
Tại ngày cuối kỳ	36.741.081.279	3.613.310.640	4.771.026.206	-	-	-	-	-	827.782.249	-	45.953.200.374	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 36.034.304.000 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 33.335.648.454 đồng.
- Toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại 11 Lê Lợi, phường Vĩnh Ninh, Thành phố Huế với tổng nguyên giá là 27.571.720.256 đồng và hao mòn lũy kế là 4.165.761.086 đồng đang được góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2022 ngày 15/11/2022 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang và Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	999.000.000	309.338.000	1.308.338.000
Số dư cuối kỳ	999.000.000	309.338.000	1.308.338.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	309.338.000	309.338.000
Số dư cuối kỳ	-	309.338.000	309.338.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	999.000.000	-	999.000.000
Tại ngày cuối kỳ	999.000.000	-	999.000.000

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 309.338.000 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 02 Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế với diện tích là 166 m² và đang được Công ty sử dụng làm trụ sở văn phòng.**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	208.985.981	227.934.600
	208.985.981	227.934.600
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.191.604.793	141.805.730
Chi phí cải tạo tài sản	227.564.152	381.265.896
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.512.996.138	1.490.335.960
	5.932.165.083	2.013.407.586

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Mai Foods	129.598.792	129.598.792	15.162.210	15.162.210
- DNTN Thương mại dịch vụ Quốc Bảo	119.645.349	119.645.349	44.987.855	44.987.855
- Huỳnh Văn Loan	-	-	36.445.000	36.445.000
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dịch vụ Cơ nhiệt Toàn Cầu	129.998.775	129.998.775	-	-
- Công ty TNHH Dệt May Sản xuất và Thương mại Quán Thành	347.669.760	347.669.760	-	-
- Công ty TNHH Thực phẩm VMA	182.011.500	182.011.500	-	-
- Công ty TNHH Khánh An Minh	112.221.270	112.221.270	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	593.984.296	593.984.296	135.638.206	135.638.206
	<u>1.615.129.742</u>	<u>1.615.129.742</u>	<u>232.233.271</u>	<u>232.233.271</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	2.591.801.498	2.457.660.734		2.457.660.734		-		134.140.764	
Thuế Thu nhập cá nhân	-	19.777.059	437.972.449		413.526.977		413.526.977		-		44.222.531	
Thuế Nhà đất, tiền thuế đất	18.000.000	-	6.303.824.623		8.885.320.747		8.885.320.747		2.599.496.124		-	
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000		3.000.000		3.000.000		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	61.298	172.281.131		164.127.112		164.127.112		-		8.215.317	
	18.000.000		19.838.357		11.923.635.570		11.923.635.570		2.599.496.124		186.578.612	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Trích trước chi phí hợp đồng thi công cải tạo nhà hàng Festival	1.311.256.481	-
	1.311.256.481	-

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	47.579.937	47.579.937
- Phải trả lãi vay	240.005.220	36.986.667
- Phải trả tiền thu hộ chuyển nhượng vốn của Nhà Nước (*)	32.257.261.589	32.193.081.521
- Phải trả vốn góp tại Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc đang chờ quyết toán	518.052.851	518.052.851
	33.062.899.597	32.795.700.976

(*) Đây là số tiền phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng vốn số 18/HĐCNV ngày 30/3/2016 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (bên chuyển nhượng) và Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco (bên nhận chuyển nhượng) với các thông tin như sau:

- Người đại diện bên chuyển nhượng: Ông Nguyễn Quốc Thành - Chủ tịch HĐQT - Người đại diện chính phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang theo Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Số lượng 12.572.200 cổ phần, tương đương tổng mệnh giá 125.722.000.000 đồng, chiếm 62,86% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang.

- Tổng giá trị chuyển nhượng: 158.409.520.000 đồng.

- Tài khoản nhận tiền chuyển nhượng là tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang. Công ty đã chuyển trả số tiền là 126 tỷ đồng theo các văn bản yêu cầu của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền còn lại sẽ được chuyển trả khi có yêu cầu. Tại thời điểm 31/12/2022, số tiền còn lại này bị hạn chế sử dụng theo Công văn 1398/STC - TCDN ngày 25 tháng 06 năm 2016 của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế. (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 3).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . VAY

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	8.365.800.000	8.365.800.000	9.313.050.000	8.661.450.000	9.017.400.000	9.017.400.000
- Công ty TNHH Crystal Treasure Limited ⁽¹⁾	8.365.800.000	8.365.800.000	9.313.050.000	8.661.450.000	9.017.400.000	9.017.400.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	500.000.000	500.000.000	2.000.000.000	350.000.000	2.150.000.000	2.150.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ⁽²⁾	500.000.000	500.000.000	2.000.000.000	350.000.000	2.150.000.000	2.150.000.000
	8.865.800.000	8.865.800.000	11.313.050.000	9.011.450.000	11.167.400.000	11.167.400.000
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ⁽²⁾	10.885.233.200	10.885.233.200	5.006.387.000	350.000.000	15.541.620.200	15.541.620.200
- Công ty TNHH Crystal Treasure Limited ⁽³⁾	-	-	8.661.450.000	-	8.661.450.000	8.661.450.000
	10.885.233.200	10.885.233.200	13.667.837.000	350.000.000	24.203.070.200	24.203.070.200
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(500.000.000)	(500.000.000)	(2.000.000.000)	(350.000.000)	(2.150.000.000)	(2.150.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	10.385.233.200	10.385.233.200			22.053.070.200	22.053.070.200

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Bao gồm 02 hợp đồng vay vốn với các thông tin chi tiết như sau:

a) Hợp đồng vay vốn giữa Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang và Công ty Crystal Treasure Limited theo hợp đồng số 02/CRYSTAL-HGT-062022 ngày 27/06/2022 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Gốc vay: 280.000 USD;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: 5,0%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 6.644.400.000 VND, tương đương 280.000 USD;
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: là phần vốn góp của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang tại Công ty TNHH Lữ hành Hương Giang theo hợp đồng thế chấp phần vốn góp số 01/HDTC/HGT-CRYSTAL-062022 và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo.

b) Hợp đồng vay vốn giữa Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang và Công ty Crystal Treasure Limited theo hợp đồng số 03/CRYSTAL-HGT-072022 ngày 30/07/2022 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Gốc vay: 100.000 USD;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: 5,0%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 2.373.000.000 VND, tương đương 100.000 USD;
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(2) Hợp đồng tín dụng số 09-2019/HUONGGIANG.VCB ngày 01 tháng 10 năm 2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 16.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Đầu tư cải tạo trung tâm dịch vụ Le Cerele Sportif tại địa chỉ 11 Lê Lợi;
- + Thời hạn của hợp đồng: 120 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 9,0%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 15.541.620.200 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 2.150.000.000 VND;
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: Được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất hình thành trong tương lai của dự án tại số 11 Lê Lợi, TP.Huế và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo.

(3) Hợp đồng vay vốn giữa Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang và Công ty Crystal Treasure Limited theo hợp đồng số 01/CRYSTAL-HGT-112021 ngày 26/11/2021 và phụ lục hợp đồng ngày 22/11/2022 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Gốc vay: 365.000 USD;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 13 tháng (kể từ ngày 30/11/2022 đến ngày 31/12/2023);
- + Lãi suất cho vay: 5,0%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 8.661.450.000 VND, tương đương 365.000 USD;
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	200.000.000.000	47.223.517.700	(69.324.648.160)	177.898.869.540
Lỗ trong kỳ trước	-	-	(31.221.370.903)	(31.221.370.903)
Số dư cuối kỳ trước	200.000.000.000	47.223.517.700	(100.546.019.063)	146.677.498.637
Số dư đầu kỳ này	200.000.000.000	47.223.517.700	(100.546.019.063)	146.677.498.637
Lỗ trong kỳ này	-	-	(5.980.186.726)	(5.980.186.726)
Số dư cuối kỳ này	200.000.000.000	47.223.517.700	(106.526.205.789)	140.697.311.911

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ (*)	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND		VND	
Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO	18.228.770.000	9,11%	18.228.770.000	9,11%
Crystal Treasure Limited	91.000.000.000	45,50%	91.000.000.000	45,50%
Lê Thị Ngọc Thùy	14.000.000.000	7,00%	14.000.000.000	7,00%
Công ty TNHH Thạch Anh Trắng	19.252.230.000	9,63%	19.252.230.000	9,63%
Công ty TNHH Tấn Trường	40.000.000.000	20,00%	40.000.000.000	20,00%
Các cổ đông khác	17.519.000.000	8,76%	17.519.000.000	8,76%
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

(*) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán của Trung Tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tại ngày 31/12/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>200.000.000.000</i>	<i>200.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>200.000.000.000</i>	<i>200.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	<i>47.579.937</i>	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<i>47.579.937</i>	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

- Hợp đồng thuê đất tại 51 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch từ năm 1998 đến năm 2028. Diện tích khu đất thuê là 13.508 m². Tại đây, Công ty đang kinh doanh khách sạn và nhà hàng. Theo hợp đồng số 67/HĐTĐ ngày 23/12/2010 Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê đất tại 11 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch từ năm 2001 đến năm 2031. Diện tích khu đất thuê là 6.248,3 m². Tại đây, Công ty đang kinh doanh nhà hàng. Theo hợp đồng số 65/HĐTĐ ngày 19/08/2019 Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê đất tại 30 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch từ năm 2004 đến năm 2044. Diện tích khu đất thuê là 7.702 m². Tại đây, Công ty đang liên doanh cùng với Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn (Saigontourist) để kinh doanh nhà hàng và khách sạn. Theo hợp đồng số 34/HĐ-TĐ ngày 09/11/2004 Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê đất tại 51 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh từ ngày 06/12/2019 đến ngày 16/05/2024. Diện tích khu đất thuê là 680 m². Hiện tại Công ty đang sử dụng làm cảnh quan hồ Mắt Ngọc tại Khách sạn Hương Giang. Theo hợp đồng số 88/HĐTĐ ngày 06/12/2019 Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	8.966,00	3.880,30
- Đồng Euro (EUR)	420,00	431,31

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu cho thuê phòng, dịch vụ nhà hàng	32.785.636.463	7.727.493.089
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.858.548.926	1.233.229.041
	36.644.185.389	8.960.722.130
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	354.121.295	249.168.548

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn cho thuê phòng và dịch vụ nhà hàng	24.871.397.001	13.537.784.547
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.867.521.639	1.072.909.265
	28.738.918.640	14.610.693.812
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	41.660.000	29.297.000

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.107.943.548	1.063.536.702
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	679.669	66.060.715
	1.108.623.217	1.129.597.417
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	967.505.556	939.022.222

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	643.955.321	36.986.667
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	2.616.237.542
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	460.438.088	1.814.598
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	16.403.470	44.435.804
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.390.023.711	13.417.540.595
	3.510.820.590	16.117.015.206

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.479.511	21.430.389
Chi phí nhân công	814.800.934	468.113.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.840.081	11.498.703
Chi phí khác bằng tiền	57.505.526	23.995.993
	<u>927.626.052</u>	<u>525.038.640</u>

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	451.898.355	357.289.381
Chi phí nhân công	7.480.638.219	5.420.244.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	577.783.283	703.685.732
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	9.715.810
Chi phí dự phòng	6.000.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.671.766.671	1.868.984.286
Chi phí khác bằng tiền	376.880.050	365.825.756
	<u>10.568.966.578</u>	<u>8.731.745.911</u>

28 . THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Thu nhập khác	20.638.183	18.210.531
	<u>20.638.183</u>	<u>18.210.531</u>

29 . CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Tiền thuê đất	-	1.345.370.835
Chi phí khác	7.301.655	36.577
	<u>7.301.655</u>	<u>1.345.407.412</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.980.186.726)	(31.221.370.903)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(5.980.186.726)	(31.221.370.903)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	-	-

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(5.980.186.726)	(31.221.370.903)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(5.980.186.726)	(31.221.370.903)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(299)	(1.561)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng làm suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.630.314.235	2.719.449.994
Chi phí nhân công	14.580.086.843	8.636.864.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.420.953.473	2.366.985.710
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.896.515.823	8.900.376.449
Chi phí khác bằng tiền	2.701.640.896	2.008.024.045
Chi phí dự phòng	6.000.000	6.000.000
	40.235.511.270	24.637.700.558

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.878.360.405	-	-	42.878.360.405
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.256.243.115	4.948.817.680	-	10.205.060.795
Các khoản cho vay	11.700.000.000	-	-	11.700.000.000
	<u>59.834.603.520</u>	<u>4.948.817.680</u>	<u>-</u>	<u>64.783.421.200</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.275.688.890	-	-	38.275.688.890
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.525.996.283	4.948.817.680	-	9.474.813.963
Các khoản cho vay	12.260.000.000	-	-	12.260.000.000
	55.061.685.173	4.948.817.680	-	60.010.502.853

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay	11.167.400.000	22.053.070.200	-	33.220.470.200
Phải trả người bán, phải trả khác	34.678.029.339	-	-	34.678.029.339
Chi phí phải trả	1.311.256.481	-	-	1.311.256.481
	47.156.685.820	22.053.070.200	-	69.209.756.020

Tại ngày 01/01/2022

Vay	8.865.800.000	10.385.233.200	-	19.251.033.200
Phải trả người bán, phải trả khác	33.027.934.247	-	-	33.027.934.247
	41.893.734.247	10.385.233.200	-	52.278.967.447

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		354.121.295	249.168.548
Công ty TNHH Lữ hành Hương Giang	Công ty liên kết	354.121.295	249.168.548
Mua hàng và dịch vụ		41.660.000	29.297.000
Công ty TNHH Lữ hành Hương Giang	Công ty liên kết	41.660.000	29.297.000
Doanh thu hoạt động tài chính		967.505.556	939.022.222
Công ty TNHH Lữ hành Hương Giang	Công ty liên kết	23.630.000	50.856.666
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	Công ty liên kết	857.383.333	809.083.334
Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	Công ty liên kết	86.492.223	79.082.222

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (*)

(*) Theo Nghị quyết số 05/22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022, Công ty không chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2021 và 2022 nên trong các năm 2021, 2022, các thành viên HĐQT, BKS không có thù lao.

	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (Không bao gồm thù lao)			
Toshihiko Takahashi (**)	Chủ tịch HĐQT	-	-
Johnny Cheung Ching Fu	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	689.693.667	591.393.714
Lê Bá Giang	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	907.571.458	934.230.769
Yoshida Tetsuya	Thành viên HĐQT	606.322.344	431.146.866
Đình Nhật Tân (**)	Thành viên HĐQT	-	-
Lê Đức Quang (**)	Trưởng BKS	-	-
Fumiyo Okuda (**)	Thành viên BKS	-	-
Nguyễn Ngọc Diệu Loan	Thành viên BKS	48.000.000	37.000.000

(**) Các thành viên không kiêm nhiệm, không tham gia quản lý trực tiếp tại Công ty nên không có thu nhập.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lê Văn Tuấn Hải
Người lập



Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng



Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc

Thừa Thiên - Huế, ngày 20 tháng 03 năm 2023



HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973

E: aasc@aasc.com.vn

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

T: (84) 28 3945 0505 - (84) 28 3945 0606 | F: (84) 28 3945 1106

E: aaschcm@aasc.com.vn

A: Tầng 3, Tòa nhà Galaxy 9, số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

AASC TẠI QUẢNG NINH

T: (84) 203 3627 571 | F: (84) 203 3627 572

E: aascqn@aasc.com.vn

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam